TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HC-PT
Ngày: 20-12-2022
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Hà Nam

- *Các Thẩm phán*: Ông Lê Hoài Nam

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 04/2022/TLST-HC ngày 18 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 12 năm 2022 đối với:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1936

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định

Người bị kiện: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Lệ Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y.

Tại phiên toà: Bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn D, ông Trịnh Văn T, bà Bùi Thị S có mặt; bà Bùi Thị Lệ Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, bản tự khai ngày 07/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng; người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà N, ông B (chồng bà N mất năm 2000) có mảnh đất do bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn H để lại từ trước năm 1980 giao lại cho ông B, bà N thừa kế. Từ năm 1980, ông H giao đất lại cho 02 con là ông Nguyễn Văn V ở phía ngoài, ông Nguyễn Văn B ở phía trong. Do không có cổng đi riêng ra ngoài đường thôn nên hộ ông B khi xin cấp Giấy CNQSDĐ phải trừ ra một lối cổng đi riêng cũng thuộc phần đất của ông H. Cổng đi này hộ ông B đi và ở từ năm 1980 về trước cho đến nay ổn định không tranh chấp với ai..

Năm 1992 ông B tách thửa đất cho, hộ ông D ở phía trong, giáp đất nhà ông Th. Hộ ông D có cổng đi riêng là đất của hộ ông B (N) khi cấp Giấy CNQSĐ trừ ra một lối đi ra cổng là cổng riêng chỉ có hộ ông D ở phía sau, ngoài ra không có ai đi (ngõ cụt).

Khi chồng bà Bùi Thị S còn sống là ông Hoàng Văn T1 vẫn đi cổng chung chung với các hộ ở phía bắc, phải đi vòng xa nên ông T1 nói với bà N là đi nhờ bà N cho gần (có giao ước).

Năm 2016, bà N xét thấy để cho bà S đi nhờ không tiện cho phía gia đình bà, yêu cầu bà S đi cổng cũ nên phát sinh mâu thuẫn. Bà S làm đơn yêu cầu UBND xã Y giải quyết không xong, bà S yêu cầu UBND huyện X giải quyết. UBND huyện X đã ra văn bản Kết luận số: 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X đã ghi:

Điểm 2: Biện pháp giải quyết UBND huyện đã chỉ rõ theo khoản 3 Điều 254 Bộ luật dân sự 215 thì ông T2, bà Y phải dành diện tích đất cho gia đình bà S làm lối đi ra ngõ và giao cho UBND xã, Văn phòng đăng ký đất đai huyện thực hiện chỉ đạo này để giải quyết cổng đi giữa bà S với gia đình ông T2, bà Yến.

Từ những căn cứ nêu trên, bà N, ông D không đồng ý với Quyết định số 85/QĐ-CCXP ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND xã Y vì ngõ đi là phần diện tích đất của ông H (bố chồng bà N) khi xin cấp Giấy CNQSDĐ đã phải trừ ra một phần diện tích đất để có cổng đi, bà N không cản chở cho việc sử dụng đất của bà S, đề nghị hủy quyết định số 85/QĐ-CCXP ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND xã Y.

Đề nghị hủy Quyết định xử phạt hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2016 của Chủ tịch UBND xã Y vì bà N không vi phạm, không chiếm đất của UBND xã, không lấn chiếm đất của gia đình bà S.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng người bị kiện, ông Trịnh Văn T - Chủ tịch UBND xã Y trình bày:

- Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1986: Hộ ông Nguyễn Văn B (chồng bà N) sử dụng thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10a tổng diện tích 630 m^2. Hộ ông Hoàng Văn T (bố chồng bà S) ở phía đông ngõ đi sử dụng thửa đất số 513 có tổng diện tích 632 m^2. Diện tích ngõ đi vào thửa đất các hộ ông T, ông B đã thể hiện là đất giao thông do UBND xã Y quản lý thuộc tờ bản đồ số 10a.

- Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1992: Hộ ông Nguyễn Văn B và hộ ông Nguyễn Văn D (con trai ông B) sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 10 tổng diện tích 730 m^2. Hộ ông Hoàng Văn T2 (con trai ông T) sử dụng thửa đất số 131 có tổng diện tích 482 m^2. Diện tích ngõ đi vào thửa đất các hộ ông T2 ông D, ông Q, ông B có diện tích 50 m^2 thể hiện là đất giao thông do UBND xã Y quản lý thuộc thửa số 259, tờ bản đồ số 10.

Thửa đất của các hộ gia đình liên quan đến ngõ đi đều đã được UBND huyện X cấp GCNQSD đất. Diện tích cấp GCNQSD đất của các hộ không có diện tích đất ngõ đi đồng thời căn cứ vào bản đồ địa chính UBND xã Y lập năm 1987 và 1992 cũng như sổ mục kê tại xã Y thể hiện lối vào thửa đất gia đình bà N nơi bà N đang xây dưng trái phép là đất ngõ đi chung và không ghi cụ thể gì do đó xác định đây là phần đất giao thông do xã quản lý.

- Về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y:

Về trình tự thủ tục ra Quyết định xử phạt: Chủ tịch UBND xã Y căn cứ vào Luật xử lý vi phạm hành chính để thực hiện thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016.

Về nội dung quyết định xử phạt: Chủ tịch UBND xã Y căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã Y lập ngày 25 tháng 10 năm 2016 tại khu vực thôn C cùng kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ.

Gia đình bà Phạm Thị N đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Xây dựng và đổ vật liệu xây dựng trên đất ngõ đi do UBND xã Y quản lý quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hình thức xử phạt: Phạt tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Về việc giải quyết khiếu nại: Ngày 26/11/2016 bà Phạm Thị N có đơn khiếu nại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y. Căn cứ Luật khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ; Thông báo số 04/TB-UBND ngày 19/9/2016 của UBND xã Y v/v kết luận trả lời đơn kiến nghị của gia đình bà Phạm Thị N - Thôn C, Y; Báo cáo số 01/BC-TCT ngày 29/12/2016 của Tổ Công tác ngày 30/12/2016 Chủ tịch UBND xã Y ra Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị N số 58/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, nội dung quyết định « Giữ nguyên nội dung Quyết định số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y. Yêu cầu hộ nhà N tiếp tục chấp hành các hình thức xử phạt trong Quyết định số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y.

Tuy nhiên, tại Kết luận số: 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X lại kết luận: Ngõ đi mà nhà bà N đang vi phạm đổ vật liệu xây dựng trên đất ngõ đi do UBND xã Y quản lý là ngõ đi của nhà bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và Bản án hành chính phúc thẩm số 393/2020/HC-PT ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định « Hủy Kết luận số: 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X, tỉnh Nam Định về nội dung đơn đề nghị của bà Phạm Thị N và đơn đề nghị của bà Bùi Thị S - Thôn C, xã Y».

Nhằm đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y, Chủ tịch UBND xã Y đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã Y.

Về Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã Y.

Về trình tự thủ tục ra Quyết định: Chủ tịch UBND xã Y căn cứ vào Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thực hiện thủ tục ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Về nội dung quyết định: Cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị N. Bà N phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác. Biện pháp khắc phục hậu quả

phải thực hiện gồm: Tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích ngõ đi chung do UBND xã quản lý. Khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Toàn bộ các Quyết định Chủ tịch UBND xã Y ban hành đều đã được tống đạt hợp lệ cho gia đình bà Phạm Thị N.

Nay bà Phạm Thị N nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện X hủy 02 quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã Y: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 ; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chủ tịch UBND xã Y không đồng ý vì tất cả các quyết định nêu trên của UBND xã Y ban hành đều đúng quy định pháp luật về trình tự thủ tục và nội dung, đề nghị của bà Phạm Thị N trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân huyện X là không có căn cứ. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại đơn đề nghị ngày 20/5/2022, bản tự khai ngày 01/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị S trình bày:

Gia đình bà sinh sống tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 10 tại thôn C, xã Y từ trước đến năm 2016 nhà bà vẫn sử dụng ngõ đi chung trước nhà cùng với gia đình bà N. Thửa đất của các hộ gia đình có liên quan đến ngõ đi chung trên đều được UBND huyện X cấp Giấy CNQSDĐ và đều không thể hiện có ngõ đi trên, bản chất ngõ đi này không ghi tên ai vì là đất giao thông do UBND xã Y quản lý. Việc xây trụ cổng trên ngõ đi do UBND xã quản lý của gia đình bà N là trái phép. Năm 2016 do mâu thuẫn, gia đình bà N tự ý xây vít cổng không cho gia đình bà sử dụng ngõ đi chung. UBND xã Y đã giải quyết tranh chấp của hai bên bằng thông báo số 04/TB-UBND ngày 19/9/2019 Kết luận ngõ đi mà gia đình bà và gia đình bà N đang tranh chấp là ngõ đi chung do UBND xã Y quản lý và ra Quyết định xử phạt bà N.

Ngày 10/10/2019 phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện X kết luận ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi chung do UBND xã Y quản lý. Tuy nhiên, Kết luận số: 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X kết luận ngõ đi đang tranh chấp là ngõ đi của bà N đến năm 2019 bà làm đơn khởi kiện đề nghị hủy kết luận số Kết luận số: 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X. Sau đó các bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và Tòa án cấp cao tại Hà Nội đã hủy kết luận số 03/KL-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện X. Đến nay ngõ đi chung vẫn bị bịt kín. Bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà N về việc hủy 02 quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã Y: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 ; Quyết định cưỡng chế buộc thực

hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 vì cả hai quyết định trên của Chủ tịch UBND xã Y đều đúng pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2022, đại diện của UBND xã Y, bà Bùi Thị Lệ Th - Phó Chủ tịch UBND xã Y trình bày với nội dung như trình bày của người bị kiện - ông Trịnh Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/ST-HC ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp tiền án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2022, bà Phạm Thị N làm đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bỏ Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện X; yêu cầu bà Bùi Thị S phải đi cổng khác mà đời bố mẹ bà đã đi và phải xem lại bản giao ước đi nhờ cổng của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D - người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, bác đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí hành chính phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 được coi là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bỏ Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện X; yêu cầu bà Bùi Thị S phải đi cổng khác mà đời bố mẹ bà đã đi và phải xem lại bản giao ước đi nhờ cổng của bà Như. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 16-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện X đã xem xét và giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với 02 quyết định hành chính gồm: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X;

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X (Viết tắt là QĐ số 85/QĐ-CCXP).

- Về thẩm quyền ban hành QĐ số 85/QĐ-CCXP: Chủ tịch UBND xã Y ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị N số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về trình tự, thủ tục ban hành QĐ số 85/QĐ-CCXP: Chủ tịch UBND xã Y căn cứ vào Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thực hiện thủ tục ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021 và việc giao quyết định cho cá nhân bị cưỡng chế; cho các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc cưỡng chế là đúng pháp luật.

- Về nội dung của QĐ số 85/QĐ-CCXP: Trong quyết định cưỡng chế số 85/QĐ-CCXP đã thể hiện đầy đủ các nội dung như; Số quyết định, ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định là hành vi xây dựng và đổ vật liệu xây dựng trên ngõ đi do UBND xã quản lý, căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của người bị cưỡng chế; biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện bao

gồm: Tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích ngõ đi chung do UBND xã quản lý, khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm; thời gian hoàn thành việc cưỡng chế; cá nhân, cơ quan có trách nhiệm chủ trì, tổ chức các hoạt động cưỡng chế. Nói tóm lại về nội dung của QĐ số 85/QĐ-CCXP, đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Từ phân tích trên HĐXX xét thấy về thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung của QĐ số 85/QĐ-CCXP đã được Chủ tịch UBND xã Y, huyện X ban hành theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án nhân dân huyện X xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N, về việc yêu cầu hủy QĐ số 85/QĐ-CCXP là có căn cứ.

[2.2] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan, cụ thể là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X (Viết tắt là QĐ số 52/QĐ-XPVPHC).

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND xã Y, huyện X căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ban hành QĐ số 52/QĐ-XPVPHC là đúng quy định của pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục ban hành QĐ số 52/QĐ-XPVPHC: Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã Y lập ngày 25 tháng 10 năm 2016 tại khu vực thôn C cùng kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ. Ngày 22 tháng 11 năm 2016 Chủ tịch UBND xã Y, huyện X ban hành Quyết định số 52/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị N về hành vi xây dựng trái phép và đổ vật liệu xây dựng trên ngõ đi do UBND xã quản lý. Như vậy về trình tự, thủ tục ban hành QĐ số 52/QĐ-XPVPHC đã được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 58, 59,67, 68 Luật xử lý vi phạm Hành chính.

- Về nội dung của QĐ số 52/QĐ-XPVPHC: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy .

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1986:

Hộ ông Nguyễn Văn B (chồng bà N) sử dụng thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10a tổng diện tích 630 m^2.

Hộ ông Hoàng Văn T (bố chồng bà S) ở phía đông ngõ đi sử dụng thửa đất số 513 có tổng diện tích 632 m^2.

Diện tích ngõ đi vào thửa đất các hộ ông B, ông T đã thể hiện là đất giao thông do UBND xã Y quản lý thuộc tờ bản đồ số 10a.

Theo bản đồ địa chính xã Y lập năm 1992:

Hộ ông Nguyễn Văn B và hộ ông Nguyễn Văn D (con trai ông B) sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 10 tổng diện tích 730 m^2.

Hộ ông Hoàng Văn T2 (con trai ông T) sử dụng thửa đất số 131 có tổng diện tích 482 m^2.

Diện tích ngõ đi vào thửa đất các hộ ông T2, ông D, ông Q, ông B có diện tích 50 m^2 thể hiện là đất giao thông do UBND xã Y quản lý thuộc thửa số 259, tờ bản đồ số 10.

Thửa đất của các hộ gia đình liên quan đến ngõ đi đều đã được UBND huyện X cấp GCNQSD đất. Diện tích cấp GCNQSD đất của các hộ không có diện tích đất ngõ đi đồng thời căn cứ vào bản đồ địa chính UBND xã Y lập năm 1987 và 1992 cũng như sổ mục kê tại xã Y thể hiện lối vào thửa đất gia đình bà N nơi bà N đang xây dựng trái phép là đất ngõ đi chung và không ghi cụ thể gì, do đó xác định đây là phần đất giao thông do UBND xã Y quản lý. Vì vậy việc Chủ tịch UBND xã Y, huyện X căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính Phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị N bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng, cùng với biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm là đúng pháp luật.

Từ phân tích trên HĐXX xét thấy về thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung của QĐ số 52/QĐ-XPVPHC đã được Chủ tịch UBND xã Y, huyện X ban hành theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án nhân dân huyện X xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N, về việc yêu cầu hủy QĐ số 52/QĐ-XPVPHC là có căn cứ.

[2.3] Từ các nhận định trên đây HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Xét thấy bà Phạm Thị N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N, về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 85/QĐ-CCXP ngày 31 tháng 12 năm 2021; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52/QĐ-XPVPHC ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Hà Nam
(Đã ký)

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.